

Số: 22/TB-CTMT

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 08 năm 2022

THÔNG BÁO

Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2021

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Tên Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa

Trụ sở chính: Số 467 Lê Hoàn, phường Ngọc Trạo, TP Thanh Hóa

Điện thoại: (0237)3.852.228

Chúng tôi thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho chứng khoán sau:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa

Mã chứng khoán: THU

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng

Sàn giao dịch: UPCOM

Ngày đăng ký cuối cùng: 22/08/2022

1. Lý do và mục đích

- Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền.

2. Nội dung cụ thể

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu: 2,50%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 250 đồng)

- Ngày thanh toán: 15/09/2022

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng-khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Cổ đông nhận cổ tức trực tiếp tại Phòng Tài chính - Kế toán Công ty vào các ngày làm việc trong tuần kể từ ngày 15/09/2022. Khi đến nhận cổ tức, cổ đông xuất trình CMND/CCCD và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.

Đề nghị VSD lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên vào địa chỉ sau:

- Địa chỉ nhận Danh sách (bản cứng): Công ty Cổ phần Môi trường và CTĐT Thanh Hóa - Số 467 Lê Hoàn, phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hóa; Điện thoại 0975740889 (Ms Tuyết)

- Địa chỉ email nhận file dữ liệu: urencothanhhoa@gmail.com.vn; tuyetctmt@gmail.com.vn

Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSD. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có vi phạm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- SGDCK;
- Lưu: VT, TKHQQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Hồ Viết Lân

Số: 13/NQ - HĐQT

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 08 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc Chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2021

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của doanh nghiệp và Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 20/05/2022.

Căn cứ nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 04/8/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2021 cụ thể:

Ngày đăng ký cuối cùng: 22/8/2022

Tỷ lệ chi trả: 2,50%/cổ phần (01 cổ phần được nhận 250 đồng)

Thời gian chi trả : Từ ngày 15/9/2022

Điều 2. Giao nhiệm vụ triển khai thực hiện : Giao Giám đốc công ty tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này của Hội đồng quản trị đảm bảo các thủ tục, trình tự theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty, các phòng nghiệp vụ và đơn vị có liên quan căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát (t/b);
- Ban Giám đốc (t/h);
- Lưu: VT, TKHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Chính

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 5 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật chứng khoán năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa;

Căn cứ nội dung, chương trình Đại hội được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa ngày 20/5/2022.

Đại hội đồng cổ đông quyết nghị:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 với một số các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Thực hiện năm 2021	% đạt được
I	Công tác vệ sinh môi trường:			

1	Công tác quét thu gom rác:			
1.1	Công tác QTG rác vỉa hè, đường phố bằng thủ công	Ha/năm	46.231	99,95
1.2	Công tác duy trì đường phố ban ngày	Km/năm	12.827,7	100%
1.3	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm	Km/năm	53.519,9	100%
2	Công tác vận chuyển rác từ các xe gom và thùng rác bên đường			
2.1	Vận chuyển rác từ các điểm tập kết xe gom rác các phường trung tâm	Tấn/năm	95.287	107%
2.2	Vận chuyển rác từ phường, xã ngoại thành	Tấn/năm	22.761	94%
3	Công tác Xử lý chôn lấp bãi rác kỹ thuật đơn giản công suất < 500tấn/ngày	Tấn/năm	141.221	104%
4	Công tác thu dịch vụ vệ sinh môi trường:	Tỷ đg/năm	21,85	97,5%
II	Công tác Kiến thiết thị chính:			
1	Công tác duy tu nạo vétmương cống thoát nước bằng thủ công, vận chuyển bùn mương cống bằng xe 2,5 tấn, cự ly v/c trung bình 8 km	m ³ /năm	3.870	99,9%
2	C.tác quản lý chăm sóc, công viên, DPC, NTN Bác Hồ, NTLs Hàm Rồng,... công tác quét rác trong công viên	ha	111,86	111,8%
3	Cắt thấp tán không chế chiều cao cây L2	Cây/năm	1.100	100%
4	Chặt hạ cây khô mục	Cây/năm	113	94%
4	Công tác quản lý, vận hành, sửa chữa điện chiếu sáng công cộng	Lần/năm	18.975	106%
5	Công tác sửa chữa cơ sở hạ tầng TP:	Triệu đồng	26.791	213%

III	Tổng doanh thu:	triệu đồng	224.742,8	121%
1	Lĩnh vực công ích	triệu đồng	188.198	114%
2	Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ	triệu đồng	36.544	183%
IV	Các khoản nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	15.577	125%
V	Tiền lương bình quân/người/năm	Triệu đồng	5,2	102%
VI	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.132,67	252%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	Công tác quét thu gom rác:			
1	Công tác quét thu gom rác vỉa hè, đường phố bằng thủ công	Ha	34.607,00	
2	Công tác duy trì đường phố ban ngày	Km	13.248,04	
3	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm	Km	53.519,95	
II	Công tác vận chuyển rác từ các xe gom và thùng rác bên đường			
1	Vận chuyển rác từ các điểm tập kết xe gom rác các phường trung tâm	Tấn	93.307,7	
2	Vận chuyển rác khu vực ngoại thành	Tấn	23.326,41	
III	Công tác Xử lý chôn lấp bãi rác kỹ thuật đơn giản công suất < 500tấn/ngày	Tấn	138.700	
IV	Công tác duy tu vét mương cống TN bằng thủ công, v/c bùn mương cống bằng xe 2,5 tấn, cự ly v/c TB 8 km	m³	3.925	

V	C.tác quản lý chăm sóc, công viên, DPC, NTN Bác Hồ, NTLs Hàm Rồng,... công tác quét rác trong CV	ha	111,8	
VI	Công tác quản lý, vận hành, sửa chữa điện chiếu sáng công cộng	Lần/năm	18.200	
VII	Công tác thu phí vệ sinh và thu khác	Triệu đồng	25.000	
VIII	Tổng doanh thu:	triệu đồng	225.000	
1	Lĩnh vực công ích	triệu đồng	195.000	
2	Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ	triệu đồng	30.000	
IX	Các khoản nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	12.300	
X	Tiền lương bình quân/người/năm	Triệu đồng	5,5	
XI	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.350	

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, kế hoạch 2022

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

Điều 3. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021, KH 2022

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

DVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	224.743
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	432
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	224.311
4	Giá vốn hàng bán	210.927

5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	13.384
6	Doanh thu hoạt động tài chính	517
7	Chi phí tài chính	1.803
8	Chi phí bán hàng	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.700
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.398
11	Thu nhập khác	55
12	Chi phí khác	48
13	Lợi nhuận khác	7
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.405
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	272
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.133

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 và kế hoạch năm 2022:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

5.1. Phân phối lợi nhuận năm 2021:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay: **1.132.666.838** đồng.

+ Truy thu thuế theo QĐ 1523/QĐ-CT ngày 05/7/2021 của Cục thuế Thanh Hóa số tiền: 26.467.962 đồng.

+ Lãi điều chỉnh theo QĐ 1523/QĐ-CT ngày 05/7/2021 của Cục thuế Thanh Hóa số tiền: 5.293.592 đồng

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: **285.868.306** đồng.

- Lợi nhuận sau thuế chưa PP còn lại dùng chi trả cổ tức: **825.624.162** đồng.

- Cổ tức 2,5% tương đương 250 đồng/cổ phần.
- Hình thức chi trả bằng tiền.
- Thời gian chi trả: Quý III/2022

5.2. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

- Cổ tức dự kiến 3,0% -5.0%.
- Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng bộ phận văn phòng công ty: 15-20% lợi nhuận sau thuế nếu hoàn thành kế hoạch cổ tức tối thiểu, kế hoạch lợi nhuận.
- Lợi nhuận sau thuế của bộ phận kinh doanh: Trích quỹ phúc lợi khen thưởng.
- Không tạm ứng cổ tức năm 2022.

Điều 6. Thông qua báo cáo về thù lao, tiền lương của từng thành viên HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch chi thù lao, lương, thưởng và chi phí cho HĐQT, BKS, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng năm 2022.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

1. Chi phí tiền lương, thù lao của từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Trần Chính	Chủ tịch HĐQT- PGĐ Công ty	134.051.728	
2	Đỗ Thị Minh Hải	P.Chủ tịch HĐQT	141.534.000	
3	Hồ Viết Lân	Thành viên HĐQT	25.200.000	
4	Thiều Văn San	Thành viên HĐQT	25.200.000	
5	Nguyễn Xuân Quý	Thành viên HĐQT	12.600.000	Miễn nhiệm T6/2021
6	Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	12.600.000	Miễn nhiệm T6/2021
7	Lê Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT	12.600.000	
8	Lê Thị Hiền	TB kiểm soát	48.746.273	Miễn nhiệm T6/2021

9	Trương Thị Thanh Bình	TB kiểm soát	42.342.000	
10	Nguyễn Thị Nga	TV Ban kiểm soát	8.400.000	Miễn nhiệm T6/2021
11	Nguyễn Tiến Hải	TV Ban kiểm soát	16.800.000	
12	Tổng Thị Thọ	TV Ban kiểm soát	8.400.000	

2. Tiền lương của Giám đốc, các phó Giám đốc, kế toán trưởng năm 2021:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hồ Viết Lâm	Giám đốc	125.310.908	
2	Thiều Văn San	Phó giám đốc	106.223.523	
3	Nguyễn Xuân Quý	Phó giám đốc	73.089.659	
4	Lê Hồng Quân	Phó giám đốc	106.223.523	
5	Lê Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	108.093.996	

Điều 7. Thông qua chi phí hoạt động, mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2021, kế hoạch năm 2022:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

1. Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2021, kế hoạch năm 2022:

Khoản mục	Thực hiện năm 2021(đồng)	Kế hoạch năm 2022(đồng)
Thù lao	118.800.000	118.800.000
Đi công tác, tham gia các hiệp hội cây xanh..	60.990.000	100.000.000
Tổng	179.790.000	218.800.000

2. Chi phí hoạt động của BKS năm 2021, kế hoạch năm 2022:

Khoản mục	Thực hiện năm 2021(đồng)	Kế hoạch năm 2022(đồng)
Thù lao	33.600.000	33.600.000
Tổng	33.600.000	33.600.000



Điều 8. Thông qua Danh sách các công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của công ty:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

Gồm các công ty sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.
2. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, chi nhánh phía Bắc.
3. Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế.

Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 cho công ty.

• **Điều 9.** Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án chi tiết về chi trả cổ tức năm 2021 đối với cổ đông và phương án phải xử lý (nếu có).

Điều 10. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/5/2022 với 44 cổ đông tham dự biểu quyết = 3.229.490CP, đạt 100%.

Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng, ban đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- UBCKNN; Sở GDCKHN; TTLKCK;
- UBND Tỉnh Thanh Hóa
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT, KTHĐQT; TLDDHCDD.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Trần Chính